

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Theo Văn bản số 7573/UBND-KT ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mở rộng quy hoạch Cụm Công nghiệp Tường Sơn để phục vụ thi công các công trình tại thị xã Hoài Nhơn; Văn bản số 61/UBND-KT ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh về việc Công ty CP Công nghệ Môi trường Miền Trung thu hồi đất thừa trong phạm vi Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn; Văn bản số 2753/UBND-TH ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh về chủ trương cho điều chỉnh vị trí tiếp nhận sản phẩm nạo vét Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT ngày 05/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh tại Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh.

Khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông, khu dân cư, công trình thủy lợi) và Khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 65 Luật Khoáng sản năm 2010, được thể hiện tại phần Phụ lục kèm theo.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai, công bố công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại trụ sở làm việc; sao gửi tài liệu kết quả cho các Sở, ngành có liên quan, UBND huyện Phù Cát, Phù Mỹ, UBND thị xã An Nhơn, UBND thị xã Hoài Nhơn sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện: Phù Cát, Phù Mỹ, UBND thị xã An Nhơn, UBND thị xã Hoài Nhơn tham mưu UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. UBND các huyện: Phù Cát, Phù Mỹ; UBND thị xã An Nhơn, UBND thị xã Hoài Nhơn căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức công tác quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện: Phù Cát, Phù Mỹ; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh
- Cục KS Việt Nam;
- Chi Cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K10, K13.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC ĐIỂM MỎ VẬT LIỆU BỔ SUNG VÀO KHU VỰC KHÔNG ĐÁU GIÁ

THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA UBND TỈNH

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh

TT	Số hiệu điểm mỏ	Vị trí	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 108°15', múi 3°		Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý
				X(m)	Y(m)		
1	Cụm công nghiệp Tường Sơn	Cụm công nghiệp Tường Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn	1	1,614,553.3652	581,912.8258	3.679	Văn bản số 7573/UBND-KT ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh
			2	1,614,551.1803	581,914.6172		
			3	1,614,383.8974	581,897.8890		
			4	1,614,382.1063	581,895.6999		
			5	1,614,400.7100	581,709.6579		
			6	1,614,413.8817	581,696.9858		
			7	1,614,563.4881	581,687.8417		
			8	1,614,574.2960	581,699.0583		
2	Xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	Xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	1	1,527,755	581,240	0.405	Văn bản số 61/UBND-KT ngày 03/01/2024 của UBND
			2	1,527,755	581,315		
			3	1,527,809	581,315		
			4	1,527,809	581,240		
3	Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi	xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ và xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	L0	1,562,300	604,159	85.359	Văn bản số 2753/UBND-TH ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh
			L1	1,562,611	603,316		
			L2	1,562,664	603,125		
			L3	1,562,662	603,049		
			L4	1,562,619	602,920		
			L5	1,562,683	602,745		
			L6	1,563,396	602,302		
			L7	1,565,021	601,506		
			L8	1,565,057	601,489		
			N1	1,562,965	602,549		
			N2	1,563,023	602,641		
			N3	1,563,241	602,470		
			N4	1,563,432	602,376		
			N5	1,563,494	602,346		
			N6	1,563,759	602,249		
			N7	1,564,124	602,103		
			N8	1,564,399	601,963		
			N9	1,564,507	601,887		
			N10	1,564,722	601,782		
			N11	1,564,679	601,694		
			N12	1,564,894	601,588		
			N13	1,564,931	601,662		
			N14	1,565,091	601,559		
			N15	1,565,065	601,505		
			N16	1,565,022	601,417		
			N17	1,564,955	601,450		

TT	Số hiệu điểm mở	Vị trí	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 108°15', múi 3°		Diện tích (ha)	Cơ sở pháp lý
				X(m)	Y(m)		
			N18	1,564,938	601,527		
			N19	1,563,388	602,286		
			N20	1,562,939	602,506		
			N21	1,563,197	602,157		
			N22	1,563,300	602,107		
			N23	1,564,961	601,293		
			B1	1,562,467	602,900		
			B2	1,562,490	602,728		
			B3	1,562,679	602,719		
			B4	1,562,631	603,052		
			TĐ	1,562,404	603,179		